

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM-ST

Ngày: 25 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công  
xây dựng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị An

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST- KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST- KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 09/6/2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số 04/TB-TA ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty M.**

Địa chỉ: Lô diện tích 8172,3m<sup>2</sup> Cụm công nghiệp Đ, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Ngọc T1 – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số nhà 240, đường T2, tổ 11, phường Đ2, thành phố T, tỉnh T.

**Bị đơn: Công ty M1.**

Địa chỉ: Số nhà PG 3-01 đường L, phường Đ2, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sơn L1 – Giám đốc công ty.

*(Có mặt ông Phạm Văn H, vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Cuối năm 2018 và năm 2019, Công ty M (Công ty M) xây dựng cho Công ty M1 (Công ty M1) các công trình nhà xưởng may và nhà văn phòng thuộc địa phận xã Q, huyện K, tỉnh T mà không ký kết hợp đồng thi công công trình.

Do phía Công ty M1 không có bản vẽ thiết kế nên việc thiết kế và thi công đều do Công ty M thực hiện. Sau khi có bản vẽ nhà xưởng may vào cuối năm 2018, Công ty M đã bóc tách khối lượng để làm dự toán báo giá với Công ty M1.

Dự toán báo giá đề ngày 17/11/2018 của Công ty M đưa ra được Công ty M1 chấp nhận. Sau khi dự toán báo giá nhà xưởng may ngày 17/11/2018 được chấp nhận thì Công ty M bắt đầu triển khai thi công. Trong quá trình thi công nhà xưởng may hai tầng thì phía Công ty M1 tiếp tục yêu cầu Công ty M thiết kế và thi công nhà văn phòng một tầng (nhà xưởng 1 tầng) cùng địa điểm với tình thần là sẽ thanh toán trên cơ sở số liệu thực tế đã thi công.

Cả hai công trình Công ty M đã thi công xong theo yêu cầu của Công ty M1 như đã thỏa thuận.

Nhưng từ khi Công ty M hoàn thiện hai công trình đến nay đã nhiều lần Công ty M yêu cầu Công ty M1 đối chiếu công nợ và thanh toán dứt điểm nhưng đều không có kết quả.

Mặc dù không có hợp đồng thi công công trình xây dựng, không có biên bản đối chiếu công nợ nhưng dựa vào công việc đã làm và các tài liệu mà Công ty M đã gửi kèm đơn khởi kiện, Công ty M khẳng định đã thi công hoàn thiện cho Công ty M1 hai công trình với tổng giá trị 4.976.077.238 đồng (bốn tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

Trong quá trình Công ty M thi công công trình cho Công ty M1, Công ty M1 đã thanh toán được tổng cộng 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng):

+ Ngày 19/11/2018 chuyển khoản 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

+ Ngày 25/01/2019 trả tiền mặt 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn).

+ Ngày 07/3/2019 trả tiền mặt 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn).

Công ty M yêu cầu Tòa án buộc Công ty M1 phải thanh toán số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng cho Công ty M là: 1.476.077.238 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty M rút một phần yêu cầu khởi kiện, giá trị rút bằng giá trị

phiếu giao hàng ngày 16/6/2019 do ông Trịnh Văn A ký là 4.218.300 đồng (bốn triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm đồng). Vì vậy, Công ty M yêu cầu Công ty M1 phải thanh toán số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng (đã làm tròn số) là: 1.471.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty M1, tuy nhiên bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc cũng không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, cư trú tại thôn N, xã M2, huyện K, tỉnh T trình bày như sau: Trong thời gian Công ty M thi công nhà xưởng cho Công ty M1 tại xã Q (nay là xã M2), huyện K, tỉnh T thì ông Nguyễn Văn C là người được Công ty M1 thuê để trông coi công trình đang thi công. Khi nào ông Nguyễn Sơn L1 và bà Hoàng Thị L2 (vợ ông L1) không có mặt tại công trình thì ông C ký nhận vào mục đại diện bên nhận trong các biên bản giao nhận hàng hóa của Công ty M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 79, 119, 351, 357 Bộ luật Dân sự 2015, các Điều 112, 113, 114, 144 Luật xây dựng 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với Công ty M1.

Buộc Công ty M1 phải thanh toán cho Công ty M số tiền 1.471.000.000 đồng.

Về án phí: Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty M1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T cấp, Công ty M1 có địa chỉ giao dịch là địa chỉ trụ sở tại số nhà PG 3-01 đường L, phường Đ2, thành phố T, tỉnh T, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty M yêu cầu Công ty M1 thanh toán số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng. Cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử vắng mặt bị đơn.

\* Về nội dung:

[4] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Cuối năm 2018, Công ty M và Công ty M1 đã thỏa thuận với nhau về việc xây dựng nhà xưởng may tại xã Q, huyện K, tỉnh T. Sau khi kiểm tra và xem xét thực tế, Công ty M xây dựng bản vẽ thiết kế, từ đó bóc tách khối lượng để làm dự toán báo giá với Công ty M1, Dự toán báo giá đề ngày 17/11/2018, Bảng tính khối lượng công trình nhà xưởng hai tầng của Công ty M đưa ra được Công ty M1 chấp nhận, thể hiện bằng việc người đại diện hợp pháp của hai công ty đã ký vào dự toán báo giá và bảng tính khối lượng công trình. Trong quá trình thi công nhà xưởng may hai tầng thì phía Công ty M1 tiếp tục yêu cầu Công ty M thiết kế và thi công nhà văn phòng một tầng (nhà xưởng 1 tầng) cùng địa chỉ với nhà xưởng may hai tầng. Mặc dù không có hợp đồng thi công công trình xây dựng bằng văn bản, không có biên bản đối chiếu công nợ nhưng dựa vào các Dự toán báo giá, Bảng tính khối lượng, Biên bản giao nhận hàng hóa có chữ ký của đại diện Công ty M1, Biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng thi công xây dựng ngày 22/12/2018, ngày 20/4/2019, ngày 26/4/2019, ngày 12/5/2019, ngày 26/5/2019 (đối với nhà xưởng may hai tầng), Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng ngày 28/6/2019, ngày 14/7/2019, ngày 20/8/2019, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để bàn giao đưa vào sử dụng ngày 04/12/2019 (đối với nhà xưởng may một tầng), các biên bản nghiệm thu đều có chữ ký của ông Nguyễn Sơn L1 và bà Hoàng Thị L2, thể hiện trên thực tế Công ty M đã thực hiện xây dựng xong nhà xưởng theo thỏa thuận với Công ty M1.

[5] Xét yêu cầu của Công ty M về việc Công ty M1 phải thanh toán số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng là 1.471.000.000 đồng.

Trên cơ sở của dự toán báo giá, khối lượng nguyên liệu nhập vào, khối lượng hoàn thành thực tế được tính toán dựa trên các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Công ty M đã tính toán giá trị quyết toán công trình nhà xưởng là 4.976.077.238 đồng. Trong quá trình Công ty M thi công công trình cho Công ty M1, Công ty M1 đã thanh toán được tổng cộng 3.500.000.000 đồng cho Công ty M, số tiền Công ty M1 chưa thanh toán là 1.476.077.238 đồng. Việc bị đơn không thanh toán số tiền 1.476.077.238 đồng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của các bên trong hợp đồng, do vậy cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của Công ty M về việc yêu cầu Công ty M1 phải thanh toán số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty M rút một phần yêu cầu khởi kiện, giá trị rút bằng giá trị phiếu giao hàng ngày 16/6/2019 do ông Trịnh Văn A ký là 4.218.300 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.218.300 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy, buộc Công ty M1 phải thanh toán cho Công ty M số tiền còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng (đã làm tròn số) là: 1.471.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu đồng). Công ty M không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

[6] Về án phí: Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.  
- Căn cứ Điều 79, Điều 119, Điều 351, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.  
- Căn cứ Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 144 Luật xây dựng 2014.  
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với Công ty M1 về việc thanh toán số tiền 1.471.000.000 đồng còn thiếu từ việc xây dựng nhà xưởng tại xã Q (nay là xã M2), huyện K, tỉnh T.

2. Buộc Công ty M1 phải thanh toán cho Công ty M số tiền 1.471.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về án phí: Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.141.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo biên L1i thu tạm ứng án phí số 0004995 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Công ty M1 phải chịu 56.130.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lý**

